**PHẦN I : CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TẾ BÀO NHÂN THỰC**

**Câu 1.** Người ta gọi là tế bào nhân thực vì ………(1)……..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Có hệ thống nội màng.

**B.** Có vật chất di truyền là DNA.

**C.** Có kích thước lớn

**D.** Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

**Câu 2.** Bào quan có ở tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực là ………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Ti thể. **B.** Bộ máy Golgi. **C.** Ribosome. **D.** Lục lạp.

**Câu 3.** Sinh vật nào sau đây **không** phải sinh vật nhân thực là ……….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Thực vật  **B.** Động vật **C.** Vi khuẩn  **D.** Nấm

**Câu 4.** Bào quan có cả ở tế bào động vật lẫn thực vật là ……….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Thành tế bào. **B.** Lysosome  **C.** Lục lạp  **D.** Ti thể.

**Câu 5.** Ở người, loại tế bào **không nhân** là …………..(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.**Tế bào gan. **B.** Tế bào biểu bì **C.** Tế bào hồng cầu **D.** Tế bào cơ

**Câu 6.** Trong tế bào, phần lớn nhân có dạng hình ………(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Cầu. **B.** Hộp chữ nhật **C.** Trụ  **D.** Elip.

**Câu 7.** Màng nhân có bản chất là lipoprotein gồm …………(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** 1 lớp phospholipid + protein  **B.** Lớp kép phospholipid + protein

**C.** 1 lớp protein + nucleic acid  **D.** Lớp kép protein + nucleic acid

**Câu 8.** Phân tử RNA sẽ đi qua cấu trúc ………..(1)……… của nhân để đi ra tế bào chất tham gia dịch mã.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Hạch nhân.  **B.** Lớp kép phospholipid

**C.** Lỗ màng nhân **D.** Chất nhiễm sắc

**Câu 9.** Ngoài chất nhiễm sắc, dịch nhân còn có chứa …………(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Màng nhân **B.** Lỗ màng nhân.

**C.** Ribosome.  **D.** Nhân con (hạch nhân)

**Câu 10.** Nhân con có nhiệm vụ chủ yếu là …………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tổng hợp mRNA, làm khuôn cho quá trình dịch mã.

**B.** Tổng hợp tRNA vận chuyển amino acid để dịch mã.

**C.** Tổng hợp rRNA cấu tạo ribosome, bào quan dịch mã.

**D.** Tổng hợp DNA cung cấp cho việc tổng hợp chất nhiễm sắc.

**Câu 11.** Khi chuyển nhân của tế bào sinh dưỡng ở loài ếch M vào trứng (đã bị mất nhân) của loài ếch N. Nuôi cấy tế bào này phát triển thành cơ thể hoàn chỉnh mang đặc điểm của ……….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Loài M. **B.** Loài M và N.  **C.** Loài N. **D.** Loài mới.

**Câu 12.** Nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào bằng cách là ……………(1)……………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.

**B.** Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.

**C.** Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.

**D.** Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.

**Câu 13.** Ribosome được cấu tạo chủ yếu từ ………..(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** tRNA + protein  **B.** rRNA + protein

**C.** mRNA + protein  **D.**DNA+ protein

**Câu 14.** Ở sinh vật nhân thực, cấu trúc ……..(1)………. không hoặc có rất ít ribosome.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Lưới nội chất trơn **B.** Lưới nội chất hạt

**C.** Tế bào chất **D.**Ti thể, lục lạp.

**Câu 15.** Trong tế bào nhân thực, chức năng của ribosome là ………(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Quang hợp **B.** Hô hấp tế bào.

**C.** Tổng hợp protein (dịch mã). **D.** Tổng hợp lipid.

**Câu 16.** Ribosome là bào quan có …………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không có màng bao bọc **B.** Có 1 lớp màng bao bọc (màng đơn)

**C.** Có 2 lớp màng bao bọc (màng kép). **D.** Có rất nhiều màng bao bọc

**Câu 17.** Khác với tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực còn có ribosome loại ……….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** 70S  **B.** 50S **C.** 80S. **D.** 30S.

**Câu 18.** Lưới nội chất có nguồn gốc từ …………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Nhân tế bào **B.** Ti thể, lục lạp

**C.** Bộ máy Golgi **D.** Màng sinh chất, màng nhân.

**Câu 19.** Lưới nội chất hạt khác lưới nội chất trơn ở điểm là ……….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Có chứa phospholipid. **B.** Có đính ribosome.

**C.** Có chứa protein. **D.** Có chứa DNA.

**Câu 20.** Ribosome đính ở lưới nội chất hạt chủ yếu là loại …………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** 80S  **B.** 70S **C.** 50S **D.** 30S

**Câu 21.** Chức năng của lưới nội chất hạt là ……….(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tổng hợp các loại lipid cấu tạo nên màng sinh chất.

**B.** Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.

**C.** Chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.

**D.** Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

**Câu 22.** Lưới nội chất hạt có khả năng tổng hợp protein vì có chứa ……….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** RNA. **B.** Cholesterol.  **C.** Lipid  **D.** Ribosome

**Câu 23.** Chức năng của lưới nội chất trơn là ……….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.

**B.** Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

**C.** Tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.

**D.** Mang, bảo quan và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.

**Câu 24.** Cấu trúc ……(1)…….. có màng thông với màng nhân.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Lưới nội chất hạt. **B.** Lưới nội chất trơn

**C.** Bộ máy Golgi **D.** Màng sinh chất

**Câu 25.** Ở những người thường xuyên uống rượu, tế bào gan sẽ có hệ thống …….(1)……… phát triển.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Nhân **B.** Lưới nội chất trơn **C.** Lưới nội chất hạt **D.** Lục lạp

**Câu 26.** Ở người, loại tế bào ……….(1)………. có hệ thống lưới nội chất hạt phát triển nhất.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào hồng cầu. **B.** Tế bào bạch cầu. **C.** Tế bào biểu bì. **D.** Tế bào cơ.

**Câu 27.** Bộ máy Golgi có cấu trúc là ………(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Một chồng túi màng dẹp thông với nhau.

**B.** Một hệ thống ống dẹp xếp cạnh nhau thông với nhau.

**C.** Một chồng túi màng dẹp xếp cạnh nhau nhưng tách rời.

**D.** Một chồng túi màng và xoang dẹp thông với nhau

**Câu 28.** Bộ máy Golgi phân phối các sản phẩm đã hoàn thiện của tế bào đến các vị trí khác nhau thông qua ……….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Ti thể. **B.** Lục lạp. **C.** Ribosome. **D.** Túi tiết.

**Câu 29.** Sử dụng lysine đánh dấu để theo dõi sự di chuyển của một loại enzyme sau khi tiêm vào tế bào. Kết quả quan sát cho thấy, 10 phút sau khi tiêm, enzyme có mặt ở ……..(1)………, sau hơn 3 phút nữa enzyme có mặt ở …………(2)………… và sau 180 phút thì enzyme xuất hiện và định khu ở ………..(3)………

Các cấu trúc (1), (2) và (3) lần lượt là

**A.** 1 – ribosome; 2 - lưới nội chất; 3 - lysosome.

**B.** 1 - lưới nội chất hạt; 2 - bộ máy Golgi; 3 - lysosome.

**C.** 1 - lưới nội chất; 2 - bộ máy Golgi; 3 - lysosome.

**D.** 1 - lưới nội chất; 2 – lysosome; 3 - màng sinh chất.

**Câu 30.** Ở động vật, bào quan có chức năng cung cấp năng lượng cho tế bào là..........(1)..........

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** lục lạp.  **B.** ribosome. **C.** ti thể. **D.** nhân.

**Câu 31.** Ti thể là bào quan được bao bọc bởi ……………(1)………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không có màng bao bọc **B.** Có 1 lớp màng bao bọc (màng đơn)

**C.** Có 2 lớp màng bao bọc (màng kép). **D.** Có rất nhiều màng bao bọc

**Câu 32.** Thành phần chủ yếu của ti thể là ……..(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Lớp màng kép và vùng nhân. **B.** Lớp màng kép và chất nền ti thể

**C.** Lớp màng đơn và vùng nhân. **D.** Lớp màng đơn và chất nền ti thể

**Câu 33.** là ………….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Màng trong trơn nhẵn, màng ngoài gấp khúc.

**B.** Màng ngoài trơn nhẵn, màng trong gấp khúc.

**C.** Màng Đặc điểm lớp màng của ti thể trong và màng ngoài đều trơn nhẵn.

**D.** Màng trong và màng ngoài đều gấp khúc.

**Câu 34.** Màng trong ti thể chứa nhiều ……..(1)……..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Enzyme hô hấp. **B.** Enzyme quang hợp. **C.** Vitamin. **D.** Hormone.

**Câu 35.** Ở người, loại tế bào ………(1)…….… chứa nhiều ti thể nhất.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào hồng cầu. **B.** Tế bào gan.

**C.** Tế bào cơ tim. **D.** Tế bào thần kinh.

**Câu 36.** Ở người, loại tế bào ……….(2)……….. không chứa ti thể.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào hồng cầu. **B.** Tế bào gan.

**C.** Tế bào cơ tim. **D.** Tế bào kẽ tinh hoàn.

**Câu 37.** Ở thực vật, loại tế bào ……..(1)……. không chứa ti thể.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào lá. **B.** Tế bào lông hút ở rễ

**C.** Tế bào mô phân sinh **D.** Tế bào mạch gỗ, mạch rây

**Câu 38.** Thuyết “nội cộng sinh” cho rằng ti thể có nguồn gốc từ vi khuẩn dị dưỡng cộng sinh với tế bào nhân thực là vì ti thể có …………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** DNA dạng vòng, ribosome 70S giống vi khuẩn.

**B.** Lớp màng kép, màng trong gấp khúc giống vi khuẩn.

**C.** DNA dạng vòng, ribosome 80S giống vi khuẩn..

**D.** DNA dạng thẳng, ribosome 70S giống vi khuẩn.

**Câu 39.** DNA của loại bào quan ………..(1)……… có thể dùng định danh, phân tích sự tiến hóa phân tử và phát sinh các loài động vật.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Lục lạp. **B.** Ti thể.

**C.** Ribosome  **D.** Lưới nội chất

**Câu 40.** Xét bốn ti thể A, B, C, D có cùng thể tích. Ti thể A thuộc tế bào da, ti thể B thuộc tế bào cơ tim, ti thể C thuộc tế bào xương, ti thể D thuộc tế bào bạch cầu. Theo em, ti thể nào có diện tích bề mặt của màng trong lớn nhất?

**A.** Ti thể A **B.** Ti thể B **C.** Ti thể D **D.** Ti thể C

**Câu 41.**

**Câu 42.** Lục lạp là bào quan chỉ có ở tế bào ……………(1)………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Động vật  **B.** Vi khuẩn. **C.** Nấm **D.** Thực vật, tảo

**Câu 43.** Chức năng của lục lạp là ………(1)……...

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Dịch mã **B.** Tổng hợp lipid. **C.** Hô hấp tế bào. **D.** Quang hợp

**Câu 44.** Quang hợp là quá trình …………..(1)………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

**B.** Tổng hợp protein giúp tế bào thực hiện các chức năng sống.

**C.** Tổng hợp năng lượng atp phục vụ các hoạt động sống của tế bào

**D.** Hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa năng.

**Câu 45.** Lục lạp là bào quan được bao bọc bởi …………..(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không có màng bao bọc **B.** Có 1 lớp màng bao bọc (màng đơn)

**C.** Có 2 lớp màng bao bọc (màng kép). **D.** Có rất nhiều màng bao bọc

**Câu 46.** Đặc điểm lớp màng của ti thể là ………….(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Màng trong trơn nhẵn, màng ngoài gấp khúc.

**B.** Màng ngoài trơn nhẵn,màng trong gấp khúc.

**C.** Màng trong và màng ngoài đều trơn nhẵn.

**D.** Màng trong và màng ngoài đều gấp khúc.

**Câu 47.** Bên trong lục lạp chủ yếu chứa …………..(1)………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Chất nền (stroma) và RNA.  **B.** Chất nền (stroma) và các thylakoid

**C.** Thylakoid và diệp lục. **D.** Chất nền (stroma) và enzyme.

**Câu 48.** Trong lục lạp, các thylakoid xếp chồng lên nhau tạo nên cấu trúc gọi là ……………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Stroma. **B.** Gram. **C.** Granum **D.** Plasmid.

**Câu 49.** Trên màng thylakoid chủ yếu chứa ………………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Sắc tố quang hợp và enzyme quang hợp.

**B.** Sắc tố quang hợp và carbohydrate.

**C.** DNA, ribosome và enzyme quang hợp.

**D.** Ribosome, enzyme quang hợp và vitamin.

**Câu 50.** Sở dĩ lục lạp có khả năng tự nhân đôi và tự tổng hợp protein là vì trong chất nền stroma có chứa ………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Carbohydrate, hormone, enzyme. **B.** DNA, enzyme, hormone.

**C.** DNA, ribosome, enzyme. **D.** Carbohydrate, DNA, enzyme.

**Câu 51.** DNA trong lục lạp có dạng …………(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Mạch đơn, dạng vòng.  **B.** Mạch đơn, xoắn cục bộ.

**C.** Mạch kép, dạng vòng. **D.** Mạch kép, dạng không vòng.

**Câu 52.** Thuyết “nội cộng sinh” cho rằng lục lạp có nguồn gốc từ vi khuẩn tự dưỡng cộng sinh với tế bào nhân thực là vì lục lạp có …………(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** DNA dạng vòng, ribosome 70S giống vi khuẩn.

**B.** Lớp màng kép, màng trong gấp khúc giống vi khuẩn.

**C.** DNA dạng vòng, ribosome 80S giống vi khuẩn..

**D.** DNA dạng thẳng, ribosome 70S giống vi khuẩn.

**Câu 53.** Ở thực vật, loại tế bào …………..(1)……….. có nhiều lục lạp nhất.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào lông hút. **B.** Tế bào mạch rây

**C.** Tế bào mô phân sinh. **D.** Tế bào lá.

**Câu 54.** Loại tế bào có khả năng quang hợp là ……………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào vi khuẩn lam **B.** Tế bào nấm rơm

**C.** Tế bào trùng amip **D.** Tế bào động vật

**Câu 55.** Điểm giống nhau về cấu tạo giữa lục lạp và ti thể trong tế bào là ……………….(1)…………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Có chứa sắc tố quang hợp.

**B.** Có chứa nhiều loại enzyme hô hấp.

**C.** Được bao bọc bởi lớp màng kép.

**D.** Có chứa nhiều enzyme quang hợp

**Câu 56.** Hình dạng của tế bào động vật được duy trì ổn định nhờ …………..(1)………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Lưới nội chất. **B.** Khung xương tế bào.

**C.** Chất nền ngoại bào. **D.** Bộ máy golgi.

**Câu 57.** Đối với tế bào động vật, khung xương tế bào có vai trò quan trọng trong việc ổn định hình dạng tế bào vì tế bào động vật ………….(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không có màng sinh chất. **B.** Không có thành tế bào.

**C.** Không có chất nền ngoại bào. **D.** Không có không bào trung tâm.

**Câu 58.** Bệnh ………(1)……….. có liên quan đến sự hư hỏng hệ thống vi sợi và vi ống thuộc khung xương tế bào.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Bệnh vàng lá lúa. **B.** Bệnh bạch tạng.

**C.** Bệnh vô sinh ở nam giới. **D.** Bệnh ung thư.

**Câu 59.** Trong lysosome có chứa nhiều ……….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Enzyme quang hợp. **B.** Enzyme hô hấp.

**C.** Enzyme thủy phân. **D.** Enzyme tổng hợp.

**Câu 60.** Lysosome chỉ có ở tế bào ………..(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Động vật. **B.** Thực vật. **C.** Tảo. **D.** Vi khuẩn.

**Câu 61.** Lysosome có nguồn gốc từ …………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Nhân tế bào. **B.** Bộ máy Golgi.

**C.** Ti thể. **D.** Màng sinh chất.

**Câu 62.** Loại tế bào sau đây chứa nhiều lysosome nhất là tế bào ………..(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Thần kinh. **B.** Cơ vân. **C.** Hồng cầu. **D.** Bạch cầu.

**Câu 63.** Hội chứng Tay – Sachs, một bệnh di truyền rất hiếm gặp ở trẻ em. Hội chứng này do rối loạn chuyển hóa enzyme hexosaminidase A, một loại enzyme chuyên chuyển hóa chất béo tên ganglioside trong não. Chất béo này không được phân hủy sẽ tích tụ trong não có thể dẫn đến mù lòa, chết não, liệt và tử vong. Trong tế bào, bào quan …….(1)……… có thể chứa enzyme trên.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Ribosome. **B.** Bộ máy Golgi. **C.** Lục lạp. **D.** Lysosome

**Câu 64.** Peroxisome là bào quan được bao bọc bởi …………..(1)………...

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không có màng bao bọc **B.** Có 1 lớp màng bao bọc (màng đơn)

**C.** Có 2 lớp màng bao bọc (màng kép). **D.** Có rất nhiều màng bao bọc

**Câu 65.** Chức năng của peroxisome là ……………..(1)…………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Chuyển hóa lipid, khử độc cho tế bào.  **B.** Hô hấp tế bào sinh năng lượng ATP.

**C.** Quang hợp chuyển hóa năng lượng ánh sáng. **D.** Tiêu hóa, phân giải nội bào.

**Câu 66.** Peroxisome có nguồn gốc từ ……………(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Nhân tế bào. **B.** Lưới nội chất. **C.** Ti thể. **D.** Không bào.

**Câu 67.** Hydrogen peroxid (H2O2), còn gọi là oxy già, là một loại chất thường dùng trong sát trùng y tế. Trong tế bào, nếu H2O2 tích lũy nhiều sẽ gây độc cho tế bào. Peroxisome có enzyme ………(1)…… có thể oxy hóa chất này.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Uricase. **B.** Protease. **C.** Catalase. **D.** Amylase.

**Câu 68.** Ở người, nếu lạm dụng bia rượu hoặc dư thừa chất đạm sẽ dẫn đến rối loạn chuyển hóa uric acid, làm tăng uric acid trong máu gây ra bệnh Gout (thống phong). Trong tế bào, uric acid có thể được phân giải nhờ loại enzyme ………(1)……… trong peroxisome.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Catalase. **B.** Amylase. **C.** Uricase. **D.** Protease.

**Câu 69.** Ở người, nếu chất béo tích tụ quá nhiều trong não có thể gây tổn thương não, gây chết não có và thể dẫn tới tử vong. Việc chuyển hóa chất béo trong tế bào não có thể được thực hiện bởi các enzyme có trong bào quan …………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Ribosome. **B.** Peroxisome. **C.** Lục lạp. **D.** Bộ máy Golgi.

**Câu 70.** Không bào phát triển nhất ở loại tế bào ……….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào động vật  **B.** Tế bào thực vật. **C.** Tế bào vi khuẩn. **D.** Tế bào nấm.

**Câu 71.** Không bào lớn, chứa nhiều ion khoáng và chất hữu cơ, điều hòa áp suất thẩm thấu giúp rễ hấp thụ được nước là chức năng của không bào ở loại tế bào ………..(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào lông hút **B.** Tế bào lá cây

**C.** Tế bào cánh hoa **D.** Tế bào thân cây

**Câu 72.** Chứa sắc tố, mùi thơm để dẫn dụ côn trùng hoặc chứa chất thải, chất độc chống lại sinh vật ăn thực vật là chức năng của không bào ở loại tế bào ………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào lông hút **B.** Tế bào hoa, lá, quả. **C.** Tế bào mạch gỗ. **D.** Tế bào mạch rây.

**Câu 73.** Ở động vật nguyên sinh, loại không bào làm nhiệm vụ bơm nước ra khỏi tế bào khi tế bào bị trương nước gọi là ……………(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không bào tiêu hóa. **B.** Không bào hô hấp. **C.** Không bào co bóp.  **D.** Không bào quang hợp.

**Câu 74.** Ở động vật nguyên sinh, loại không bào chứa các enzyme phân giải thức ăn thành những chất dinh dưỡng mà tế bào hấp thụ được gọi là ………..(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không bào tiêu hóa. **B.** Không bào hô hấp. **C.** Không bào co bóp.  **D.** Không bào quang hợp.

**Câu 75.** Trung thể có ở loại tế bào ………(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tế bào thực vật. **B.** Tế bào động vật  **C.** Tế bào vi khuẩn. **D.** Tế bào nấm men.

**Câu 76.** Trung thể là bào quan được bao bọc bởi ……….(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Không có màng bao bọc **B.** Có 1 lớp màng bao bọc (màng đơn)

**C.** Có 2 lớp màng bao bọc (màng kép). **D.** Có rất nhiều màng bao bọc

**Câu 77.** Trung thể được cấu tạo gồm …………..(1)………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** 2 nhiễm sắc thể **B.** 2 tâm động. **C.** 2 nhiễm sắc tử **D.** 2 trung tử

**Câu 78.** Mỗi trung tử được cấu tạo từ ………..(1)…………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Bộ ba vi sợi xếp thành vòng. **B.** Bộ ba vi ống xếp thành vòng.

**C.** Bộ hai vi sợi xếp thành vòng **D.** Bộ hai vi ống xếp thành vòng.

**Câu 79.** Trung thể có vai trò quan trọng trong sự phân bào ở tế bào động vật vì chúng hình thành nên ………(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Thoi phân bào. **B.** Nhân con. **C.** Màng nhân. **D.** Nhiễm sắc thể.

**Câu 80.** Chức năng của trung thể là ………….(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Hình thành vách ngăn giúp phân chia tế bào chất tế bào thực vật.

**B.** Hình thành eo thắt giúp phân chia tế bào chất tế bào động vật.

**C.** Hình thành thoi phân bào giúp phân chia đều vật chất di truyền trong phân bào.

**D.** Hình thành nhân con sau khi các tế bào đã phân chia xong.

**Câu 81.** Tế bào thần kinh và tế bào cơ trưởng thành ở người thường không thể phân chia vì ……………(1)…………….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Vì chúng thường không chứa trung thể. **B.** Vì chúng thường không có ribosome.

**C.** Vì chúng thường không có nhân. **D.** Vì chúng thường không có ti thể.

**Câu 82.** Theo Nicolson & Singer, màng sinh chất được cấu trúc theo mô hình …………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Bánh mì kẹp thịt  **B.** Khảm **C.** Động  **D.** Khảm – động.

**Câu 83.** Thành phần chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong một màng sinh chất là ………….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Protein. **B.** Phospholipid.  **C.** Carbohydrate. **D.** Cholesterol.

**Câu 84.** Màng sinh chất có cấu trúc “khảm” là vì ………….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Có các phân tử protein bị kẹp giữa hai lớp phospholipid.

**B.** Có các phân tử phospholipid bị kẹp giữa hai lớp protein.

**C.** Có các phân tử protein bám hoặc nằm xuyên qua lớp phospholipid.

**D.** Có các phân tử phospholipid bám hoặc nằm xuyên qua lớp protein.

**Câu 85.** Màng sinh chất có tính “động” là do ………….(1)……….

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Các phân tử phospholipid và protein thường xuyên di chuyển trong phạm vi màng.

**B.** Các phân tử phospholipid và protein thường xuyên di chuyển ngoài ra vào màng.

**C.** Tế bào thường xuyên chuyển động nên các phân tử trên màng thường xuyên chuyển động.

**D.** Các phân tử protein và cholesterol thường xuyên chuyển động trong phạm vi màng.

**Câu 86.** Cholesterol có ở màng sinh chất của tế bào …………(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Vi khuẩn. **B.** Nấm. **C.** Động vật. **D.** Thực vật.

**Câu 87.** Cholesterol có chức năng …………(1)…………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Tổng hợp protein cho màng sinh chất. **B.** Làm tăng tính ổn định cho màng.

**C.** Trao đổi chất với môi trường có chọn lọc. **D.** Làm thụ thể tiếp nhận thông tin.

**Câu 88.** Loại tế bào của sinh vật ……..(1)………. không có thành tế bào.

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Vi khuẩn. **B.** Động vật. **C.** Thực vật. **D.** Nấm.

**Câu 89.** Thành tế bào không được tìm thấy ở sinh vật ……….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Vi khuẩn lam **B.** Bạch đàn **C.** Nấm rơm **D.** Gấu trúc

**Câu 90.** Thành tế bào thực vật chủ yếu làm bằng ………….(1)………

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Peptydoglycan. **B.** Cellulose. **C.** Chitin **D.** Glycogen.

**Câu 91.** Thành tế bào nấm chủ yếu làm bằng ………..(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Peptydoglycan. **B.** Cellulose. **C.** Chitin **D.** Glycogen.

**Câu 92.** Thành phần chủ yếu của chất nền ngoại bào là ……….(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Glycoprotein, collagen. **B.** Cellulose, glycoprotein.

**C.** Cholesterol, collagen. **D.** Phospholipid, collagen.

**Câu 93.** Lông và roi ở tế bào động vật có nguồn gốc từ ………..(1)………..

Từ/Cụm từ (1) là:

**A.** Màng sinh chất. **B.** Khung xương tế bào. **C.** Thành tế bào. **D.** Cầu sinh chất.

**Câu 94.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Chức năng |
| 1.Nhân  2.Ribosome  3.Lưới nội chất hạt  4.Lưới nội chất trơn | a. Tổng hợp lipid  b. Tổng hợp protein  c. Nơi tổng hợp protein (dịch mã)  d. Trung tâm điều khiển hoạt động sống |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – d; 2 – c; 3 – b; 4 – a **. B.** 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 – b.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c**. D.** 1 – a; 2 – d; 3 – b; 4 – c.

**Câu 95.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Chức năng |
| 1. Bộ máy Golgi  2. Ti thể  3. Lục lạp  4. Không bào | a. Hô hấp tế bào  b. Chứa nước, ion khoảng, sắc tố,……  c. Chế biến, lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm tế bào.  d. Quang hợp |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – d; 2 – c; 3 – b; 4 – a **. B.** 1 – c; 2 – a; 3 – b; 4 – d.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c **. D.** 1 – c; 2 – a; 3 – d; 4 – b.

**Câu 96.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Chức năng |
| 1. Lysosome  2. Peroxisome  3. Khung xương tế bào  4. Trung thể | a. Hình thành thoi phân bào  b. Khử độc H2O2, uric acid  c. Tiêu hóa nội bào  d. Nâng đỡ, neo giữ bào quan |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – b; 2 – c; 3 – d; 4 – a. **B.** 1 – c; 2 – a; 3 – b; 4 – d.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c **. D.** 1 – c; 2 – b; 3 – d; 4 – a.

**Câu 97.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Chức năng |
| 1. Màng sinh chất  2. Thành tế bào  3. Chất nền ngoại bào | a. Thu nhận thông tin, nhận biết tế bào  b. Kiểm soát sự trao đổi chất  c. Quy định hình dạng, bảo vệ tế bào |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – b; 2 – a; 3 – c. **B.** 1 – b; 2 – c; 3 – a.

**C.** 1 – c; 2 – b; 3 – a**. D.** 1 – a; 2 – c; 3 – b.

**Câu 98.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Đặc điểm |
| 1.Nhân  2.Ribosome  3.Lưới nội chất hạt  4.Lưới nội chất trơn | a. Có hai lớp màng bao bọc  b. Hình thành từ màng nhân, màng tế bào  c. Không có màng bao bọc  d. Chứa enzyme chuyển hóa đường và khử độc |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – d; 2 – c; 3 – b; 4 – a **. B.** 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 – b.

**C.** 1 – a; 2 – c; 3 – b; 4 – d**. D.** 1 – a; 2 – d; 3 – b; 4 – c.

**Câu 99.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Đặc điểm |
| 1. Bộ máy Golgi  2. Ti thể  3. Lục lạp  4. Không bào | a. Có khả năng tự nhân đôi và tổng hợp protein riêng.  b. Chứa nhiều chất tùy thuộc vào loại TB.  c. Gồm các túi dẹp lipoprotein xếp chồng lên nhau nhưng tách biệt.  d. Chỉ có ở tế bào thực vật và tảo. |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – d; 2 – c; 3 – b; 4 – a. **B.** 1 – c; 2 – a; 3 – b; 4 – d.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c **. D.** 1 – c; 2 – a; 3 – d; 4 – b.

**Câu 100.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Đặc điểm |
| 1. Lysosome  2. Peroxisome  3. Khung xương tế bào  4. Trung thể | a. Hình thành từ lưới nội sinh chất trơn.  b. Không có màng bao, gồm 2 trung tử.  c. Gồm vi ống, vi sợi và sợi trung gian.  d. Chỉ có ở tế bào động vật |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – b; 2 – c; 3 – d; 4 – a **. B.** 1 – d; 2 – a; 3 – c; 4 – b.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c **. D.** 1 – c; 2 – b; 3 – d; 4 – a.

**Câu 101.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Đặc điểm |
| 1. Màng sinh chất  2. Thành tế bào  3. Chất nền ngoại bào | a. Chống lại sức trương nước.  b. Cấu trúc theo mô hình “khảm – động”.  c. Phát triển ở tế bào động vật. |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – b; 2 – a; 3 – c. **B.** 1 – b; 2 – c; 3 – a.

**C.** 1 – c; 2 – b; 3 – a. **D.** 1 – a; 2 – c; 3 – b.